| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÀM TÂN**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27-01-2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tơ và ông Phan Quang Sơn;

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Kim Trâm;

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐ-HNGĐ ngày 29/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Dương Đức L,** sinh năm 1993 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh B

- *Bị đơn*: Bà **Trương Thị Hồng T1**, sinh năm: 1994 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Nguyên đơn ông Dương Đức L trình bày:* Ông và bà T1 đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Có một con chung là Dương Đức P, sinh ngày 22/12/2014. Ông yêu cầu giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trương Thị Hồng T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Long, ông Dương Đức L được ly hôn với bà Trương Thị Hồng T1, giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Ông L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Dương Đức L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị Hồng T1 và yêu cầu giao con chung cho bà Thi nuôi dưỡng nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trương Thị Hồng T1 có nơi cư trú tại Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bà Trương Thị Hồng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, việc vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông L và bà T1 đăng ký kết hôn ngày 13/6/2014 tại UBND xã T trên cơ sở tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày ông và bà T1 có nhiều mâu thuẫn và đã không chung sống cùng với nhau từ năm 2015 cho đến nay, tại phiên tòa ông L cũng khẳng định không còn tình cảm với bà T1 nữa và cương quyết yêu cầu ly hôn với bà T1. Qua xác minh tại địa phương và tại gia đình của bà T1 thể hiện trong quá trình chung sống, bà T1 và ông L có mâu thuẫn lục đục và đã không chung sống với nhau khoảng 3,5 năm.

Về phía bị đơn, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án, không đến tham gia các phiên hòa giải tại Tòa án để hàn gắn tình cảm vợ chồng, như vậy, bản thân bà T1 không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông L nữa.

Những căn cứ nêu trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà T1 thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã không còn sống chung, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải chấp nhận cho ông L được ly hôn với bà T1.

[2.2] Về con chung: ông L và bà T1 có 01 con chung là Dương Đức P, sinh ngày 22/12/2014.

Ông L yêu cầu giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng. Bản thân bà T1 không có ý kiến gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về vấn đề con chung. Vì vậy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét, cân nhắc để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chưa thành niên.

Xét, tại biên bản lấy lời khai, ông L trình bày con chung Dương Đức P hiện đang sống cùng với mẹ, bà T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P từ khi sinh ra cho đến nay, vì không được trực tiếp chăm sóc con nên hiện nay cháu P không biết ông L, không gần gũi với ông L. Bà T1 chăm sóc con rất tốt nên ông muốn giao con cho bà T1 nuôi dưỡng. Tại biên bản xác minh ở địa phương thể hiện từ trước đến nay bà T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Đức P, bản thân bà T1 cũng đã liên hệ với chính quyền địa phương để giành quyền nuôi con.

Từ những căn cứ nêu trên thể hiện bà T1 người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Dương Đức P từ khi mới sinh đến nay, do đó cần tiếp tục giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu P. Việc giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo được sự phát triển mọi mặt của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

# QUYẾT ĐỊNH:

**Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Đức L đối với bà Trương Thị Hồng T1 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Đức L được ly hôn với bà Trương Thị Hồng T1.

**2.** Về con chung: Bà Trương Thị Hồng T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Đức P, sinh ngày: 22/12/2014

Ông Dương Đức L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

**3.** Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

**4.** Án phí: Ông Dương Đức L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001812 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Ông L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận**:
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thắng;
- Lưu hồ sơ.

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thùy Trang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN**
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Trang**

**Nơi nhận**:
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thắng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Trang**

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Phúc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Chính**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | THẨM PHÁN<br>CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|
| | **Ngô Thế Anh** |